

Số: 416/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 14 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế, bãi bỏ  
các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của  
UBND huyện Nho Quan thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố bổ sung 22 thủ tục hành chính, sửa đổi 10 thủ tục hành chính, thay thế 02 thủ tục hành chính và bãi bỏ 23 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Nho Quan thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** UBND huyện Nho Quan có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung Quy định về việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND huyện Nho Quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Nho Quan; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
  - Lưu: VT, VP11/
- MT04/2018/IC,LT

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tổng Quang Thìn**

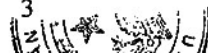


**Phụ lục 1**  
**DANH SÁCH BỔ SUNG CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG TẠI UBND HUYỆN NHO QUAN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Ninh Bình)

| STT | Nội dung công việc                                                                                                         | Thời gian giải quyết<br>(Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) |                                                                      |                  | Cơ chế thực hiện |                    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------|
|     |                                                                                                                            | Thời gian giải quyết theo quy định                        | Thời gian giải quyết thực tế theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông |                  | Một cửa          | Một cửa liên thông |
|     |                                                                                                                            |                                                           | Trong ngày                                                           | Ghi giấy hẹn     |                  |                    |
| I   | LĨNH VỰC TÀI CHÍNH                                                                                                         |                                                           |                                                                      |                  |                  |                    |
|     | Quản lý công sản                                                                                                           |                                                           |                                                                      |                  |                  |                    |
| 1   | Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện        | 30 ngày làm việc                                          |                                                                      | 30 ngày làm việc | x                |                    |
| 2   | Trình tự, thủ tục bán, chuyển nhượng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện | 30 ngày làm việc                                          |                                                                      | 30 ngày làm việc | x                |                    |
| 3   | Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện           | 30 ngày làm việc                                          |                                                                      | 30 ngày làm việc | x                |                    |
| 4   | Thủ tục mua bán hóa đơn tài sản nhà nước và hóa đơn tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước                                     | 05 ngày làm việc                                          |                                                                      | 05 ngày làm việc | x                |                    |
| 5   | Trình tự xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc                                                   | 30 ngày làm việc                                          |                                                                      | 30 ngày làm việc | x                |                    |
| 6   | Thủ tục giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc thẩm quyền của UBND huyện               | 15 ngày làm việc                                          |                                                                      | 15 ngày làm việc | x                |                    |

| <b>II LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b> |                                                                              |                                                                                                                                                                                                      |  |                                                                                                                                                                                                       |   |  |
|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| <b>Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu</b>    |                                                                              |                                                                                                                                                                                                      |  |                                                                                                                                                                                                       |   |  |
| 1                                     | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn            | Thẩm định: 20 ngày làm việc                                                                                                                                                                          |  | 20 ngày làm việc                                                                                                                                                                                      | x |  |
|                                       |                                                                              | Phê duyệt: 10 ngày làm việc                                                                                                                                                                          |  | 10 ngày làm việc                                                                                                                                                                                      | x |  |
| 2                                     | Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn | Thẩm định: 20 ngày làm việc                                                                                                                                                                          |  | 20 ngày làm việc                                                                                                                                                                                      | x |  |
|                                       |                                                                              | Phê duyệt: 10 ngày làm việc                                                                                                                                                                          |  | 10 ngày làm việc                                                                                                                                                                                      | x |  |
| 3                                     | Phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn                         | 03 ngày làm việc                                                                                                                                                                                     |  | 03 ngày làm việc                                                                                                                                                                                      | x |  |
| 4                                     | Làm rõ hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn                            | Theo quy định                                                                                                                                                                                        |  | Theo quy định                                                                                                                                                                                         | x |  |
| 5                                     | Sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đấu thầu trong nước: tối thiểu là 10 ngày trước thời điểm đóng thầu</li> <li>- Đấu thầu quốc tế: tối thiểu là 15 ngày trước thời điểm đóng thầu.</li> </ul> |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đấu thầu trong nước: tối thiểu là 10 ngày trước thời điểm đóng thầu.</li> <li>- Đấu thầu quốc tế: tối thiểu là 15 ngày trước thời điểm đóng thầu.</li> </ul> |   |  |
| 6                                     | Làm rõ hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn                             | Theo quy định                                                                                                                                                                                        |  | Theo quy định                                                                                                                                                                                         | x |  |

|    |                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                        |  |                                                                                                                                                                                        |   |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 7  | Mở thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn                                                                                                       | Ngay sau thời điểm đóng thầu                                                                                                                                                           |  | Ngay sau thời điểm đóng thầu                                                                                                                                                           | x |  |
| 8  | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng                                           | Thẩm định: 20 ngày làm việc                                                                                                                                                            |  | 20 ngày làm việc                                                                                                                                                                       | x |  |
|    |                                                                                                                                           | Phê duyệt: 10 ngày làm việc                                                                                                                                                            |  | 10 ngày làm việc                                                                                                                                                                       | x |  |
| 9  | Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh qua mạng | Thẩm định: 20 ngày làm việc                                                                                                                                                            |  | 20 ngày làm việc                                                                                                                                                                       | x |  |
|    |                                                                                                                                           | Phê duyệt: 10 ngày làm việc                                                                                                                                                            |  | 10 ngày làm việc                                                                                                                                                                       | x |  |
| 10 | Phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng                                                        | Tại thời điểm đăng tải thành công<br>TBMT/TBMCH trên mạng                                                                                                                              |  | Tại thời điểm đăng tải thành công<br>TBMT/TBMCH trên mạng                                                                                                                              | x |  |
| 11 | Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng                                                           | Theo quy định                                                                                                                                                                          |  | Theo quy định                                                                                                                                                                          | x |  |
| 12 | Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng                                                          | - Đối với sửa đổi HSMT sau khi phát hành: tối thiểu là 10 ngày trước thời điểm đóng thầu;<br>- Đối với sửa đổi HSYC sau khi phát hành: tối thiểu là 05 ngày trước thời điểm đóng thầu. |  | - Đối với sửa đổi HSMT sau khi phát hành: tối thiểu là 10 ngày trước thời điểm đóng thầu;<br>- Đối với sửa đổi HSYC sau khi phát hành: tối thiểu là 05 ngày trước thời điểm đóng thầu. | x |  |



|                                                 |                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                               |  |                                              |   |   |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------|---|---|
| 13                                              | Làm rõ hồ sơ dự thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng                                                                                                                                                                | Theo yêu cầu của bên mời thầu và trong thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu.                                                      |  | Theo quy định                                | x |   |
| 14                                              | Mở thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia                                                                                                                                                                                   | Ngay sau thời điểm đóng thầu                                                                                                  |  | Ngay sau thời điểm đóng thầu                 | x |   |
| III LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO                |                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                               |  |                                              |   |   |
| 1                                               | Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, THCS, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người                                                                                                                      | Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại cơ sở giáo dục công lập: 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn       |  | 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn |   | x |
|                                                 |                                                                                                                                                                                                                                | Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại cơ sở giáo dục ngoài công lập: 40 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn |  | 40 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn |   |   |
| IV LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN |                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                               |  |                                              |   |   |
| 1                                               | Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn | 05 ngày làm việc                                                                                                              |  | 05 ngày làm việc                             | x |   |



## Phụ lục số 2

**DANH SÁCH CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI THỜI GIAN THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG TẠI UBND HUYỆN NHO QUAN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Ninh Bình)

| STT | Nội dung công việc                                                                                                                        | Thời gian giải quyết<br>(Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)                                                 |                                                                      |                  | Cơ chế thực hiện |                    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------|
|     |                                                                                                                                           | Thời gian giải quyết theo quy định                                                                        | Thời gian giải quyết thực tế theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông |                  | Một cửa          | Một cửa liên thông |
|     |                                                                                                                                           |                                                                                                           | Trong ngày                                                           | Ghi giấy hẹn     |                  |                    |
| I   | LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN                                                                                              |                                                                                                           |                                                                      |                  |                  |                    |
| 1   | Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn                                                                                                       | 33 ngày làm việc                                                                                          |                                                                      | 33 ngày làm việc | x                |                    |
| II  | LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG                                                                                                            |                                                                                                           |                                                                      |                  |                  |                    |
|     | Đất đai                                                                                                                                   |                                                                                                           |                                                                      |                  |                  |                    |
| 1   | Đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu                             | 30 ngày làm việc                                                                                          |                                                                      | 30 ngày làm việc | x                |                    |
|     |                                                                                                                                           | Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: 40 ngày làm việc |                                                                      | 40 ngày làm việc |                  |                    |
| 2   | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu | 30 ngày làm việc                                                                                          |                                                                      | 30 ngày làm việc | x                |                    |
|     |                                                                                                                                           | Đối với các xã miền núi, vùng                                                                             |                                                                      | 40 ngày làm việc |                  |                    |



|   |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                           |  |                  |   |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------|---|--|
|   |                                                                                                                                                                                                 | sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: 40 ngày làm việc                               |  |                  |   |  |
| 3 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất | 30 ngày làm việc                                                                                          |  | 30 ngày làm việc | x |  |
|   |                                                                                                                                                                                                 | Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: 40 ngày làm việc |  | 40 ngày làm việc |   |  |
| 4 | Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm                                                                                      | 30 ngày làm việc                                                                                          |  | 30 ngày làm việc | x |  |
|   |                                                                                                                                                                                                 | Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: 40 ngày làm việc |  | 40 ngày làm việc |   |  |
| 5 | Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện                                                                                                              | 45 ngày làm việc                                                                                          |  | 45 ngày làm việc | x |  |

|   |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                           |  |                  |   |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------|---|--|
| 6 | Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất | 20 ngày làm việc                                                                                          |  | 20 ngày làm việc | x |  |
|   |                                                                                                                                                                                      | Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: 30 ngày làm việc |  | 30 ngày làm việc |   |  |
| 7 | Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân                                                                           | 15 ngày làm việc                                                                                          |  | 15 ngày làm việc | x |  |
|   |                                                                                                                                                                                      | Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: 25 ngày làm việc |  | 25 ngày làm việc |   |  |
| 8 | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế                                                                                                                             | 07 ngày làm việc                                                                                          |  | 07 ngày làm việc | x |  |
|   |                                                                                                                                                                                      | Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: 17 ngày làm việc |  | 17 ngày làm việc |   |  |

|   |                                   |                                                                                                           |  |                  |   |  |
|---|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------|---|--|
| 9 | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp | 10 ngày làm việc                                                                                          |  | 10 ngày làm việc | x |  |
|   |                                   | Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: 20 ngày làm việc |  | 20 ngày làm việc |   |  |



**Phụ lục số 3**

**DANH SÁCH CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA,  
MỘT CỬA LIÊN THÔNG TẠI UBND HUYỆN NHO QUAN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Ninh Bình)*

| STT                                                 | Thủ tục hành chính bị thay thế                                                                                                            | Thủ tục hành chính thay thế                                                                                                   | Văn bản quy định thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông                                                                                                                                   | Văn bản quy định thay thế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b> |                                                                                                                                           |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1                                                   | Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm của chủ rừng là hộ gia đình                               | Cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu tại chỗ của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng         | Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh về việc công bố các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Nho Quan thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. | Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị hủy bỏ, sửa đổi về thời gian thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 2                                                   | Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của chủ rừng là hộ gia đình | Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |



**Phụ lục số 4**

**DANH SÁCH CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ, KHÔNG THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA,  
MỘT CỬA LIÊN THÔNG TẠI UBND HUYỆN NHO QUAN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Ninh Bình)*

| STT      | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                             | Văn bản quy định thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông                                                                                                                                   | Văn bản quy định bãi bỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1        | Phê duyệt phương án khai thác của chủ rừng là hộ gia đình                                                                                                                                                                          | Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh về việc công bố các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Nho Quan thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. | Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị hủy bỏ, sửa đổi về thời gian thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |
| 2        | Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3        | Đăng ký khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)                                      |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4        | Đăng ký khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp của chủ rừng là hộ gia đình                                                          |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 5        | Đăng ký khai thác tận dụng gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy; tận dụng các loại gỗ nằm, gốc rễ cành nhánh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại) |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 6        | Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ và tre nứa trong rừng tự nhiên, rừng trồng của chủ rừng là hộ gia đình (đối                                                                               |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |



|                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                          | với các loại lâm sản có trong danh mục Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>II LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Lĩnh vực đất đai</b>                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1                                        | Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <p>Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh về việc công bố các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Nho Quan thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.</p> | <p>Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục; nội dung thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.</p> |
| 2                                        | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 3                                        | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sử hữu tài sản gắn liền với đất của vợ và chồng thành của chung vợ và chồng                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 4                                        | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
| 5  | Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất                                          |  |  |
| 6  | Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bỗ sung của giấy chứng nhận do bị mất                                                                                                                                                                                                                             |  |  |
| 7  | Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền                                                                                                                                                                                                                       |  |  |
| 8  | Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân                                                                                                                                                                                                                                            |  |  |
| 9  | Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |  |
| 10 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định                              |  |  |
| 11 | Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất                                                                                                                                                                                                    |  |  |
| 12 | Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi |  |  |

|    |                                                                                                                                                                      |  |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|    | về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận                                                                                          |  |  |
| 13 | Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề |  |  |
| 14 | Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu                                             |  |  |
| 15 | Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất                                                                             |  |  |
| 16 | Tách thửa hoặc hợp thửa đất                                                                                                                                          |  |  |
| 17 | Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào giấy chứng nhận đã cấp                                                                                                  |  |  |